

## THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vinal - Vnsteel**

Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vinal - Vnsteel trân trọng thông báo đến Quý Cổ đông của Công ty về thông tin họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, cụ thể như sau:

**1. Thời gian**

Vào lúc 9h00 thứ sáu, ngày 03 tháng 4 năm 2026.

**2. Địa điểm**

Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vinal - Vnsteel

Địa chỉ: Số 4 đường 2A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.

**3. Điều kiện tham dự**

Cổ đông của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vinal - Vnsteel có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chốt đến ngày 03/03/2026.

**4. Nội dung và Tài liệu Đại hội.**

Nội dung và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026 được đăng tải và cập nhật trên website của Công ty Vinal tại: [www.vinal.com](http://www.vinal.com).

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TK Công ty.



TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP  
VINGAL-VNSTEEL  
TP. BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI  
Vô Trí Nghĩa



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL – VNSTEEL**

Thời gian: **9h00 thứ sáu ngày 03 tháng 4 năm 2026**

Địa điểm: **Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal - Vnsteel**

Số 4 đường 2A, KCN Biên Hòa II, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung</b>
9h00 – 9h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông tham dự và phát thẻ biểu quyết
9h30 - 10h00	- Chào cờ, tuyên bố lý do - Bầu Chủ tịch đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết thông qua - Chủ tịch đoàn thông qua Quy chế tổ chức Đại hội và Chương trình Đại hội - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
10h00 - 10h45	<b>Các vấn đề báo cáo tại Đại hội</b> 1. Báo cáo kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025 và kế hoạch năm 2026 2. Báo cáo kết quả kiểm soát hoạt động kinh doanh năm 2025 của BKS 3. Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 đã kiểm toán 4. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 5. Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 6. Tờ trình kế hoạch tài chính năm 2026 7. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 8. Tờ trình về kế hoạch đầu tư và nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư năm 2026 9. Tờ trình về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2025. Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2026 10. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 11. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ, 12. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty 13. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị 14. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
10h45 - 11h00	<b>Đại hội giải lao</b>
11h00 - 11h30	<b>Đại hội thảo luận và biểu quyết</b>
11h30 - 12h00	- Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội - Đại hội biểu quyết thông qua - Chủ tịch đoàn tuyên bố bế mạc đại hội



**QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL**

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mạ Kẽm công nghiệp VINGAL - VNSTEEL (gọi tắt là Công ty Vingal).

**Điều 2.** Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3.** Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông**

**1. Điều kiện tham dự**

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 03/3/2026) được quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp VINGAL – VNSTEEL.

**2. Quyền của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội**

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp.

- Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

- Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời tham dự Đại hội đồng cổ đông, Giấy ủy quyền (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông để đăng ký tham dự. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có) (ghi tên cổ đông, mã số cổ đông, cổ phần sở hữu/được ủy quyền, cổ phần có quyền biểu quyết).

- Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

- Giá trị biểu quyết của phiếu bầu cử (trong trường hợp thực hiện bầu cử) được tính bằng tổng số phiếu bầu, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện) có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng thẻ biểu quyết.

- Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông có thể đề đạt ý kiến trực tiếp tại Đại hội hoặc ghi ra giấy và chuyển đến bàn Thư ký. Khi muốn phát biểu ý kiến, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và chỉ phát biểu sau khi được Chủ tọa mời. Đề Đại hội có chất lượng, cổ đông chuẩn bị ý kiến phát biểu ngắn gọn, rõ ràng.

### 3. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Luật doanh nghiệp.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

- Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội, Ban thẩm tra tư cách cổ đông.

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

- Trong suốt quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông tham dự Đại hội không sử dụng điện thoại di động trong hội trường. Các cổ đông tham dự Đại hội tắt chuông điện thoại di động, nếu có nhu cầu cần thiết phải ra ngoài hội trường nói chuyện điện thoại. Các cổ đông tham dự Đại hội không nói chuyện riêng ảnh hưởng đến sự tập trung của các cổ đông khác và chất lượng Đại hội.

### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội**

Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; phát các tài liệu và Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch, Chủ tọa Đại hội**

1. Đoàn chủ tịch Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Chủ tịch HĐQT là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập.

3. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

4. Đoàn chủ tịch, Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

5. Để Đại hội thành công tốt đẹp đồng thời kết thúc đúng thời gian dự kiến, Chủ tọa có thể điều chỉnh chương trình Đại hội đã được thông qua nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ của Đại hội.

6. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;

b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

### **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội**

1. Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội.

2. Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội như: Ghi chép trình tự diễn biến cuộc họp Đại hội; Ghi lại ý kiến đóng góp của Đại biểu, Đoàn chủ tịch và các cổ đông trong suốt quá trình diễn ra Đại hội; phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội; trình bày trước Đại hội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

### **Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và Đại hội biểu quyết thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT/BKS (trong trường hợp thực hiện bầu cử).

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết.

- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

- Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

- Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử thành viên HĐQT/BKS theo Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty (nếu có).

- Tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

- Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội.

## **Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo điều 19 Điều lệ Công ty:  
Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

#### **Điều 10. Cách thức tiến hành Đại hội**

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung: (theo nội dung đã gửi cổ đông)

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ được tổ chức diễn ra trong ½ ngày hoặc 1 ngày:

Nội dung chính: Theo Chương trình Đại hội đã gửi.

Tài liệu Đại hội: Tài liệu chính thức của Đại hội do Ban tổ chức cung cấp cho các cổ đông. Ngoài tài liệu nêu trên, tất cả các tài liệu khác đều được coi là không hợp lệ.

### **Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

#### **Điều 11. Thông qua các Quyết định tại Đại hội**

1. Nguyên tắc biểu quyết: Cổ đông có thể biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ thẻ biểu quyết.

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tán thành ngoại trừ nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty và Khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết lên cao; Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến.

b. Đối với từng vấn đề biểu quyết, Đoàn Chủ tịch sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến. Trường hợp Cổ đông không giơ thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ thẻ biểu quyết một lần.

#### **Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản đại hội. Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

2. Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu biểu quyết; Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

**Chương V**  
**ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

**Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành**

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 9 Quy chế này, thì việc triệu họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết (Khoản 2, Điều 19 Điều lệ Công ty)

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp (Khoản 3, Điều 19 Điều lệ Công ty).

**Chương VI**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14.** Quy chế này gồm 6 chương 14 điều, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp VINGAL - VNSTEEL và có hiệu lực tại Đại hội./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Vingal;
- HĐQT Vingal;
- BKS Vingal;
- Lưu:VT, TCNS, HĐQT, Thư ký cty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2025  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026**

**Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp  
Vingal – Vnsteel.**

- Căn cứ vào luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào phạm vi quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ hoạt động và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel;
- Căn cứ vào nghị quyết 06/NQĐHCD-VGL ngày 27/3/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;
- Căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 và Định hướng hoạt động năm 2026 với các nội dung như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

**1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.**

Hội đồng quản trị Công ty năm 2025, hiện nay gồm những thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	<b>Ông Võ Trí Nghĩa</b> Đại diện vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành Bổ nhiệm ngày 27/3/2025
2	<b>Ông Dương Trung Toàn</b> Đại diện vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Chủ tịch HĐQT	Thành viên điều hành Miễn nhiệm ngày 27/3/2025
3	<b>Ông Nguyễn Huy Thọ</b> Đại diện phần vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành

4	<b>Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai</b> Đại diện phần vốn Tổng công ty thép Việt Nam – CTCP.	Ủy viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	<b>Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo</b>	Ủy viên HĐQT	Thành viên điều hành
6	<b>Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn</b>	Ủy viên HĐQT	Thành viên không điều hành

## 2. Thù lao Hội đồng quản trị.

*DVT: Triệu đồng.*

STT	Họ và tên	Kế hoạch	Thực hiện	Tháng quyết toán	Tổng cộng	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Huy Thọ	4	4	12	48	UV HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	4	4	12	48	UV HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	4	4	12	48	UV HĐQT
4	Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	4	4	12	48	UV HĐQT
<b>Tổng cộng</b>					<b>192</b>	

***Tổng cộng thực hiện thù lao hội đồng quản trị năm 2025 là: 192 triệu đồng.***

## 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, luôn đặt lợi ích của Cổ đông và Công ty lên hàng đầu. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, cẩn trọng và minh bạch, góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra an toàn, hiệu quả và bền vững.

Hội đồng quản trị đã hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 giao phó; đồng thời chủ động chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và quản trị rủi ro phù hợp với tình hình thực tế.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp định kỳ và tăng cường trao đổi, lấy ý kiến giữa các kỳ họp nhằm đảm bảo việc ra quyết định kịp thời, đúng thẩm

quyền. Cụ thể, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp và thực hiện 06 đợt lấy ý kiến bằng hình thức email. Các nghị quyết được ban hành đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tập trung vào công tác quản lý, định hướng chiến lược và giám sát điều hành, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ, tích cực vào các cuộc họp và hoạt động chung, với tỷ lệ tham dự như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số cuộc họp	Số cuộc phải tham dự	Số cuộc họp đã tham dự	Ghi chú
1	<b>Ông Võ Trí Nghĩa</b>	CT HĐQT	4	4	4	
2	<b>Ông Dương Trung Toàn</b>	CT HĐQT	1	1	1	
3	<b>Ông Nguyễn Huy Thọ</b>	UV HĐQT	5	5	5	
4	<b>Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai</b>	UV HĐQT	5	5	5	
5	<b>Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo</b>	UV HĐQT	5	5	5	
6	<b>Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn</b>	UV HĐQT	5	5	5	

Các Nghị quyết, quyết định mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2025:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	07-01-25	Ký hợp đồng nguyên tắc năm 2025 với đơn vị liên quan	100%
2	02/NQ-HĐQT	07-01-25	Phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn 2025	100%
3	03/NQ-HĐQT	16-01-25	- Thông qua thực hiện SXKD - Q4/2024 và KH Q1/2025 - Phê duyệt định mức tiêu hao kinh tế kỹ thuật 2025 - Phê duyệt kế hoạch Marketing 2025 - Phê duyệt sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý nợ - Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025	100%
4	04/NQ-HĐQT	20-02-25	- Phê duyệt quyết toán tiền lương năm 2024	100%
5	05/NQ-HĐQT	25-03-25	- Thông qua tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2025	100%
6	07/NQ-HĐQT	27-03-25	- Bầu ông Võ Trí Nghĩa làm Chủ tịch HĐQT	100%

7	08/NQ-HĐQT	27-03-25	- Giao TGDĐ thực hiện các nội dung của NQ ĐHĐCĐ thường niên 2025	100%
8	09/NQ-HĐQT	22-04-25	- Thông qua kết quả thực hiện SXKD Q1/2025	100%
9	10/NQ-HĐQT	13-05-25	Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
10	11/NQ-HĐQT	23/07/2025	Thông qua kết quả thực hiện SXKD Q2/2025	100%
11	12/NQ-HĐQT	15/06/2025	Lập hồ sơ xin cấp phép môi trường	100%
12	13/NQ-HĐQT	18/09/2025	Phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2025	100%
13	14/NQ-HĐQT	20/10/2025	Thông qua kết quả thực hiện SXKD Q3/2025	100%
14	15/NQ-HĐQT	20/10/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương	100%

Bên cạnh việc tổ chức các phiên họp theo quy định, Hội đồng quản trị luôn đảm bảo cơ chế phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và Ban Điều hành trong công tác quản trị, giám sát.

Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát nhằm tăng cường tính minh bạch, khách quan và tuân thủ trong quá trình xem xét, thông qua các quyết định quan trọng.

Ngoài các phiên họp chính thức, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, làm việc với Ban kiểm soát và Ban Điều hành để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, qua đó đảm bảo các chủ trương, định hướng được thực hiện đúng kế hoạch và mục tiêu đề ra.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình thông qua việc nghiên cứu, xem xét các báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm; tham gia đầy đủ các cuộc họp; tích cực đóng góp ý kiến trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng chiến lược và các giải pháp phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

- 4. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:**

Công ty Vingal không phát sinh giao dịch như trên trong năm 2025.

## **II. ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2025**

### **1. Phương pháp kiểm tra, giám sát**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua các hình thức sau:

- Thông qua các Nghị quyết được ban hành tại các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã kịp thời chỉ đạo, định hướng và giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý trong quá trình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Tại các phiên họp định kỳ, trên cơ sở các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động, Hội đồng quản trị đã thực hiện trao đổi, chất vấn và đánh giá việc triển khai các chiến lược, mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/3/2025 thông qua, đảm bảo các hoạt động điều hành bám sát định hướng đã được phê duyệt.
- Hội đồng quản trị xem xét các báo cáo chi tiết của Ban điều hành về tiến độ thực hiện kế hoạch, phân tích những thuận lợi, khó khăn và các giải pháp khắc phục trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Trên cơ sở các báo cáo của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong việc nắm bắt tình hình điều hành sản xuất kinh doanh; đồng thời trao đổi thẳng thắn, mang tính xây dựng với Ban điều hành nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.
- Các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát với tư cách đại diện cho quyền lợi cổ đông và nhà đầu tư đều được Hội đồng quản trị trao đổi, thảo luận kỹ lưỡng và xem xét một cách thận trọng trước khi ban hành quyết định.

### **2. Kết quả giám sát**

Qua công tác giám sát trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá:

- Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm báo cáo, giải trình và công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Với tinh thần cầu thị và trách nhiệm cao, Ban điều hành đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, góp phần duy trì hoạt động ổn định và hiệu quả của Công ty.

- Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thận trọng, linh hoạt và hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Công tác báo cáo được thực hiện thường xuyên, kịp thời, giúp Hội đồng quản trị nắm bắt đầy đủ tình hình để có ý kiến chỉ đạo phù hợp. Đồng thời, việc thực hiện các chính sách, chế độ theo quy định pháp luật và chế độ đối với người lao động được triển khai nghiêm túc, đúng quy định.
  - Ban điều hành đã phối hợp hiệu quả trong công tác quản lý, duy trì tinh thần đoàn kết nội bộ, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết; qua đó tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, góp phần nâng cao vị thế và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.
- 3. Kết quả điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông giao như sau:**

### **3.1 Thực hiện sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu	Năm 2025		Thực hiện năm 2024	So sánh (%)	
	Kế hoạch	Thực hiện		Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024
1	2	3	4	5 = 3/2	6 = 3/4
<b>1. Sản xuất (tấn)</b>	<b>38.000</b>	<b>51.381</b>	<b>41.934</b>	<b>135,21</b>	<b>122,53</b>
- Mạ gia công	35.800	49.108	39.751	137,17	123,54
- Sản phẩm cơ khí	2.200	2.273	2.183	103,32	104,12
<b>2. Tiêu thụ (tấn)</b>	<b>38.000</b>	<b>51.218</b>	<b>42.130</b>	<b>134,78</b>	<b>121,57</b>
- Mạ gia công	35.800	48.989	39.940	136,84	122,66
- Sản phẩm cơ khí	2.200	2.229	2.190	101,32	101,78
<b>Doanh thu (tr. đ)</b>	<b>320.000</b>	<b>413.919</b>	<b>357.654</b>	<b>129,35</b>	<b>115,73</b>
- Trong nước		319.930	259.540		123,27
- Xuất khẩu		93.989	98.114		95,80
<b>Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)</b>	<b>22.000</b>	<b>23.717</b>	<b>23.618</b>	<b>107,80</b>	<b>100,42</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế (tr. đ)</b>	<b>17.500</b>	<b>17.623</b>	<b>18.358</b>	<b>100,70</b>	<b>96,00</b>
<b>Tỷ suất LNST/ Vốn CSH (%) - ROE</b>	<b>14,75</b>	<b>14,83</b>	<b>15,42</b>	<b>100,54</b>	<b>96,17</b>
<b>Thu nhập BQ /tháng/ người (tr. đ)</b>	<b>17.970</b>	<b>21.336</b>	<b>19.171</b>	<b>118,73</b>	<b>111,29</b>

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và biến động phức tạp. Tăng trưởng toàn cầu phục hồi chậm và không đồng đều giữa các khu vực; lạm phát và lãi suất duy trì ở mức cao tại nhiều nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Trung Quốc, làm suy giảm sức cầu và gia tăng chi phí vốn. Căng thẳng địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại và các rào cản kỹ thuật gia tăng đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thương mại quốc tế.

Bên cạnh đó, biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu và chi phí logistics tiếp tục tạo áp lực lên chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, môi trường kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về năng lực quản trị, khả năng thích ứng và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp.

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể như sau:

- ✓ Tổng sản lượng sản xuất đạt 51.381 tấn, bằng 135,21% kế hoạch và tăng 22,53% so với năm 2024.
- ✓ Sản lượng tiêu thụ đạt 51.218 tấn, bằng 134,78% kế hoạch, tăng 21,57% so với năm 2024.
- ✓ Doanh thu đạt 413.919 triệu đồng, hoàn thành 129,35% kế hoạch và tăng 15,73% so với năm 2024.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 23.717 triệu đồng, vượt 7,80% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 17.623 triệu đồng, hoàn thành 100,70% kế hoạch.
- ✓ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 14,83%, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và duy trì ở mức ổn định.
- ✓ Thu nhập bình quân người lao động đạt 21,336 triệu đồng/người/tháng, vượt 18,73% kế hoạch và tăng 11,29% so với năm 2024, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên, giữ vững sự ổn định và đoàn kết nội bộ.

Nhìn chung, năm 2025 là năm Công ty đạt kết quả sản xuất kinh doanh tích cực, tăng trưởng mạnh về quy mô, đảm bảo hiệu quả tài chính và hoàn thành xuất sắc các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông giao, tạo nền tảng vững chắc cho kế hoạch phát triển năm 2026 và các năm tiếp theo.

### **3.2 . Thực hiện đầu tư**

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện kế hoạch Đầu tư được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua như sau:

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tr đồng)	Giá trị giải ngân (tr đồng)	Ghi chú
1	Cầu trục một dầm (5T+5T)x18,9M	4.500	2.808	Hoàn thành quyết toán trong tháng 09/2025
2	Bể kềm 12700x1800x2600 dày 50mm	6.000	0	Ngày 29/05/2025 Công ty đã ký hợp đồng cung cấp bể kềm với công ty Công ty K.D. Feddersen Ueberseegeellschaft mbH với giá CIF 185.000 EUR thời gian thực hiện hợp đồng 9 ÷ 10 tháng
3	Xe nâng 6 tấn	2.200	0	Chuyển tiếp năm 2026
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12.700</b>	<b>2.808</b>	

- Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện đầu tư 02 hạng mục đầu tư Cầu trục một dầm (5T+5T)x18,9M và Bể kềm 12700x1800x2600 dày 50mm, tổng giá trị giải ngân năm 2025 là 2.808 triệu đồng.
- Hạng mục xe nâng 6 tấn Công ty chuyển tiếp sang năm 2026.

#### **Kết luận:**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về công tác thực hiện kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2025 như sau:

- Ban điều hành thực hiện các hạng mục đầu tư theo đúng kế hoạch được duyệt và đã xem xét cân trọng không thực hiện các hạng mục chưa thiết thực.
- Các hạng mục đầu tư hoàn thành đưa vào vận hành đã góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trình tự triển khai các hạng mục đầu tư đã tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026**

#### **1. Nhận định tình hình**

- Năm 2026, tình hình thế giới và khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường; kinh tế thế giới vẫn chịu sự tác động bởi bất ổn chính trị gia tăng và nguy cơ chiến tranh thương mại lan rộng, leo thang.

- Sự biến động của tình hình thị trường thế giới đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động xuất khẩu của Công ty, nhất là với sản phẩm chủ lực cơ khí – mạ dùng để xuất khẩu là chủ yếu.
- Thị trường mạ kẽm trong nước tiếp tục gặp rất nhiều thách thức từ sự suy giảm thị trường bất động sản, vấn đề chậm giải ngân vốn đầu tư công, doanh nghiệp khó tiếp cận các nguồn vốn làm cho các dự án ngừng triển khai hoặc chuyển qua sơn để tiết giảm chi phí đầu tư. Ngoài ra, một số dự án trọng điểm quốc gia đã và đang đi vào giai đoạn hoàn thiện, khai thác sẽ dẫn đến giảm nhu cầu về sản phẩm mạ kẽm nhúng nóng.
- Trong bối cảnh thị trường mạ kẽm nhúng nóng gặp khó khăn do nhu cầu giảm, thị phần về mạ kẽm của Công ty Vingal liên tục bị cạnh tranh gay gắt trong những năm gần đây với các doanh nghiệp cùng ngành đặc biệt là các nhà sản xuất mạ mới bắt đầu hoạt động (tại khu vực tỉnh Đồng Nai có 7 công ty mạ kẽm với tổng công suất mạ ước tính là 22.000 tấn/tháng, trong đó Công ty Vingal chiếm khoảng 18%). Cùng với đó, giá nguyên vật liệu kẽm biến động thất thường và dự báo sẽ duy trì mức giá cao trong thời gian dài trong năm 2026 làm cho cuộc cạnh tranh về giá, thị phần cũng như nhân lực lao động giữa các nhà sản xuất mạ kẽm sẽ ngày thêm gay gắt.

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kết hợp với các yếu tố nhận định tình hình, đánh giá những khó khăn, thuận lợi như trên, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông các kế hoạch năm 2026 như sau:

## 2. Kế hoạch Hội đồng quản trị năm 2026

### 2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến kế hoạch năm 2026	Ghi chú
<b>1. Sản xuất (tấn)</b>	<b>Tấn</b>	<b>40.000</b>	
<i>Mạ gia công</i>	<i>Tấn</i>	<i>37.800</i>	
<i>Sản phẩm cơ khí</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.200</i>	
<b>2. Tiêu thụ (tấn)</b>	<b>Tấn</b>	<b>40.000</b>	
<i>Mạ gia công</i>	<i>Tấn</i>	<i>37.800</i>	
<i>Sản phẩm cơ khí</i>	<i>Tấn</i>	<i>2.200</i>	
<b>3. Doanh thu (tr.đồng)</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>340.000</b>	
<i>Trong nước</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>252.000</i>	
<i>Xuất Khẩu</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>88.000</i>	

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến kế hoạch năm 2026	Ghi chú
<b>4. Lợi nhuận</b>			
<i>Trước thuế</i>	<i>Triệu đồng</i>	20.000	
<i>Sau thuế</i>	<i>Triệu đồng</i>	15.800	
<b>5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH (ROE)</b>	<b>%</b>	13,41	

## 1.2 Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ năm 2026

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Tên thiết bị, phương tiện	Kế hoạch	Ghi chú
	<b>Kế hoạch đầu tư mua sắm TSCĐ</b>		
1	Đầu tư mua sắm xe nâng 6 tấn	2.200	
2	Bê kê 12.700x 1.800x 2.600 dày 50mm	7.000	
<b>Tổng</b>		<b>9.200</b>	

Tổng mức đầu tư cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2026 là: 9,2 tỷ đồng.

## 3. Định hướng Hội đồng quản trị năm 2026

Hội đồng quản trị định hướng như sau:

- Hội đồng quản trị tích cực thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị cũng tăng cường giám sát, hỗ trợ ban điều hành nâng cao năng lực quản trị, quản trị rủi ro và sử dụng vốn hiệu quả; đảm bảo hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật
- Chỉ đạo Ban điều hành tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm. Mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng để thương hiệu Công ty ngày càng lớn mạnh trên thị trường và đạt được tín nhiệm cao của khách hàng.

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Xây dựng môi trường làm việc an toàn, văn minh để người lao động nỗ lực đóng góp giúp Công ty ngày càng phát triển.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (Xem phụ lục đính kèm).

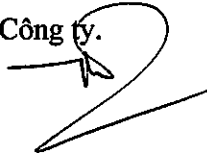
Năm 2025, Công ty đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành. Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC bao gồm:

- Báo cáo của Ban Giám Đốc
- Báo cáo kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị. Kính trình Quý cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**





Biên hòa, ngày 15 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Kết quả giám sát thực hiện kế hoạch Quý IV & cả năm 2025**

**I — THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT**

- Ông : Trần Tô Tử — Trưởng Ban Kiểm Soát
- Ông : Nguyễn Mạnh Cường — Thành viên BKS
- Ông : Nguyễn Công Thủy — Thành viên BKS

**II - TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Tô Tử	4	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Công Thủy	4	4/4	100%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Cường	4	4/4	100%	

**III - THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO	GHI CHÚ
1	Ông Trần Tô Tử	Trưởng Ban kiểm soát	48.000.000	
2	Ông Nguyễn Công Thủy	Ban kiểm soát	36.000.000	
3	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Ban kiểm soát	36.000.000	

**IV - NỘI DUNG KIỂM TRA — GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**1. Kết quả thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị Quyết của HĐQT**

STT	NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH			Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT
		Chưa làm	Đang làm	Đã làm	
I	Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2025			Đã thực hiện	
II	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1,2,3,4 năm 2025 và các nội dung khác.			Đã thực hiện	

## 2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

- a) Thống nhất với báo cáo tài chính năm 2025 của Ban Điều Hành.
- b) Những nội dung chưa thống nhất với Báo cáo của Ban điều hành: Không có

## 3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và BDH theo luật pháp và điều lệ, quy chế của Công ty .

- a) HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện tốt, linh hoạt các hoạt động SXKD và tuân thủ nghiêm túc theo điều lệ công ty.
- b) Ban Điều Hành đã tuân thủ theo Điều lệ và theo luật định về việc ký kết các hợp đồng kinh tế có liên quan đến các đối tác là các cổ đông lớn của Công ty.
- c) Những ý kiến đóng góp và khuyến nghị của HĐQT và Ban kiểm soát đã được Ban điều hành tiếp thu và có giải trình thỏa đáng.
- d) Những ý kiến đóng góp và khuyến nghị của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Ban điều hành tiếp thu và có giải trình thỏa đáng.
- e) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Không có giao dịch

## III — NHẬN ĐỊNH VÀ KIẾN NGHỊ

A – Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, ngành cơ khí và mạ kẽm ngày càng có thêm nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường gây cho tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, Ban Điều hành đã có những nỗ lực cao để thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch Quý IV và cả năm 2025. Cụ thể qua các phân tích sau:

1- **Tăng trưởng:** Doanh thu vượt kế hoạch 29,35% - tăng 15.7% so năm trước.

2- **Hiệu quả:** Lợi nhuận ròng tuy đạt kế hoạch nhưng sụt giảm nhẹ so với năm trước, mặc dù vẫn duy trì ở mức cao:

- a. Tỷ suất Lợi nhuận trên Vốn CSH (ROE) giảm từ 15,42% xuống 14,81%.

- b. Tỷ suất Lợi nhuận trên Doanh thu (ROS) giảm từ 5,13% xuống 4,25%.
- c. Riêng Tỷ suất Lãi gộp / Doanh thu năm 2025 vẫn duy trì ở mức 16,2% cho thấy nỗ lực tiết kiệm trong quá trình sản xuất, thực hiện tốt các định mức tiêu hao nguyên vật liệu và lao động, mặc dù chi phí các yếu tố đầu vào đã tăng theo mức lạm phát chung của cả nước.

3- **Trạng thái tài chính:** lành mạnh.

- a) Nợ phải trả tuy có tăng 19,9% so năm trước, nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ Nợ/Vốn dưới mức cho phép rất xa (Nợ/Vốn không quá 2 lần)
- b) **Vốn hoạt động (Working Capital):** có số dương và tăng 1,2% - Khả năng thanh toán tốt, đảm bảo an toàn - tài sản ngắn hạn gấp 3,19 lần nợ phải trả ngắn hạn.

	2023	2024	2025	25/24 (%)
Doanh thu	335,512	357,654	413,918	115.7%
Lãi gộp	52,668	60,033	67,335	112.2%
Lợi nhuận ròng sau thuế	17,440	18,358	17,602	95.9%
Vốn Chủ Sở Hữu	117,435	119,087	118,851	99.8%
Nợ phải trả	30,131	37,240	44,639	119.9%
Tài sản ngắn hạn	122,241	133,930	142,461	106.4%
Vốn hoạt động (Working Capital)	92,110	96,690	97,822	101.2%
Lãi gộp / Doanh thu	15.70%	16.79%	16.27%	96.9%
Lợi nhuận ròng / Doanh thu (ROS)	5,10%	5.13%	4.25%	82.8%
Lợi nhuận ròng / Vốn CSH (ROE)	14,85%	15.42%	14.81%	96.1%
Nợ phải trả / Vốn CSH	0.26	0.31	0.38	120.1%
Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	4.06	3.60	3.19	88.7%

B — Đề nghị Ban Điều hành giữ vững thị trường xuất khẩu.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Trần Tô Từ

Số: /TTr - VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính**  
**đã kiểm toán năm 2025**

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

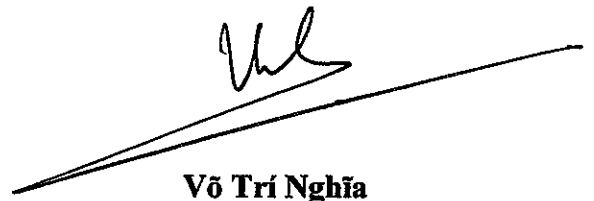
Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 TÓM TẮT ĐÃ KIỂM TOÁN

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên tổ chức ngày 31 tháng 3 năm 2021;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2025 như sau:

### 1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2025	01/01/2025
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<i>I</i>	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	142.474.706.085	133.930.398.749
<i>II</i>	<i>Tài sản dài hạn</i>	21.033.462.927	22.397.028.810
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>163.508.169.012</b>	<b>156.327.427.559</b>
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>		
<i>I</i>	<i>Nợ phải trả</i>	44.635.220.987	37.240.362.827
<i>II</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	118.872.948.025	119.087.064.732
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>163.508.169.012</b>	<b>156.327.427.559</b>

### 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

ĐVT: Đồng

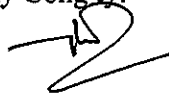
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2025	NĂM 2024
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	10	413.918.492.898	357.653.909.492
Giá vốn hàng bán	11	346.582.661.291	297.620.472.559
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	67.335.831.607	60.033.436.933
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23.716.782.791	23.618.068.257
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17.623.581.793	18.358.017.706
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.579	1.656

Kính đề nghị quý cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr-VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

### **Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2025**

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021.
- Căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận Công ty Vingal năm 2025.
- Căn cứ vào lợi nhuận thực tế tại Công ty Vingal năm 2025.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông đầu tư vào Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

Lợi nhuận chưa phân phối	:	2.387.828.968 đồng.
Lợi nhuận sau thuế năm 2025	:	17.623.581.793 đồng.
Tổng cộng Lợi nhuận chưa phân phối	:	20.011.410.761 đồng.
Trả cổ tức 16%	:	14.920.248.000 đồng.
Trích quỹ	:	4.743.520.000 đồng.
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý công ty</i>	:	647.200.000 đồng.
<i>Quỹ phúc lợi</i>	:	3.481.872.000 đồng.
<i>Quỹ khen thưởng NLĐ</i>	:	614.448.000 đồng.
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	347.642.761 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr-VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

### **Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026**

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vinal - Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vinal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty Vinal.


Để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty Vinal. Hội đồng Quản trị Công ty Vinal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

<b>Tổng doanh thu</b>	<b>: 340.000 triệu đồng</b>
<b>Sản lượng</b>	<b>: 40.000 tấn</b>
Mạ Gia công	: 37.800 tấn
Sản phẩm cơ khí	: 2.200 tấn
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>: 20.000 triệu đồng</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>: 15.800 triệu đồng</b>
<b>Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (ROE)</b>	<b>: 13,41 %</b>
<b>Cổ tức</b>	<b>: 15 %/năm</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr-VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Đại hội đồng cổ đông thông qua**  
**Kế hoạch tài chính năm 2026**

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal
- Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty Vingal.

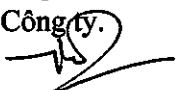
Để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc điều hành sản xuất kinh doanh tại Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua kế hoạch tài chính năm 2026 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (tr.đ)	Ghi chú
1	Nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn bình quân cần cho hoạt động SXKD	100.094	
2	Nhu cầu vốn trung dài hạn cần cho hoạt động đầu tư XDCB	9.200	
<b>Tổng cộng</b>		<b>109.294</b>	
<b>Vốn tự đáp ứng ngày 31/12/2025</b>		<b>97.840</b>	
Vốn Công ty còn thiếu phải bù đắp thêm		11.454	
Vay ngắn hạn		11.454	
Dự kiến vốn lưu động hàng tháng phải bổ sung là:		954	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr-VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

### **Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026**

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Vingal năm 2026.

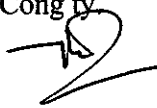
Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2026 cho các cổ đông đầu tư vào Công ty Vingal. Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và biểu quyết thông qua việc kế hoạch phân phối lợi nhuận như sau:

Lợi nhuận chưa phân phối	:	347.642.761 đồng
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2026	:	15.800.000.000 đồng
Tổng cộng lợi nhuận năm 2026	:	16.147.642.761 đồng
Trả cổ tức 15%	:	13.987.732.500 đồng
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1.800.000.000 đồng
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	359.910.261 đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông ;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr-VGL.

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Đại hội đồng cổ đông thông qua**  
**Kế hoạch đầu tư năm 2026**

- Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal
- Vnsteel được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 31/3/2021 (sau đây gọi là Công ty Vingal);
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty Vingal.

Hội đồng Quản trị Công ty Vingal trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận biểu quyết thông qua và ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện Kế hoạch đầu tư năm 2026 như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Tên thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
	<b>Kế hoạch đầu tư mua sắm TSCĐ</b>			
1	Đầu tư mua sắm xe nâng 6 tấn	Tr.đồng	2.200	
2	Bê kẽm 12.700x 1.800x 2.600 dày 50mm	Tr.đồng	7.000	
<b>Tổng</b>		<b>Tr.đồng</b>	<b>9.200</b>	

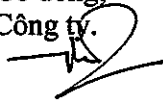
Tổng mức đầu tư cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư năm 2026 là: 9,2 tỷ đồng.

Nguồn vốn: Vốn doanh nghiệp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, TK Công ty.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr-VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

## TỜ TRÌNH

### Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết toán thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2025 Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2026

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal- Vnsteel (sau đây gọi là Công Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2021;
- Căn cứ vào tình hình thực tế Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Vingal kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

#### 1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

Mức thù lao của thành viên không chuyên trách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Vingal như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch (triệu đồng/tháng)	Thực hiện (triệu đồng/tháng)	Tháng quyết toán (tháng)	Số thù lao quyết toán (triệu đồng)	Ghi chú
2	Ủy viên HĐQT	4	4	48	192	04 UV
3	Trưởng BKS	4	4	12	48	
4	Thành viên BKS	3	3	24	72	02 TV
<b>Tổng cộng</b>					<b>312</b>	

**Tổng Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 là: 312.000.000 đồng.**

#### 2. Kế hoạch tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 như sau:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Võ Trí Nghĩa**

Số: /TTr - VGL

Đồng Nai, ngày tháng 03 năm 2026

## TỜ TRÌNH

### VỀ VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel (sau đây gọi là Công ty Vingal) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Căn cứ tình hình thực tế Công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty Vingal về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Vingal như sau:

#### 1. Yêu cầu đối với công ty kiểm toán độc lập:

- Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và thuộc danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2026 do Ủy ban nhà nước công bố.

- Công ty kiểm toán có uy tín, chất lượng kiểm toán, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ và thời gian hoàn thành kiểm toán và có mức phí phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

#### 2. Đề xuất của Ban kiểm soát:

Để đảm bảo thuận lợi cho việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Vingal lựa chọn một (01) trong năm (05) Công ty kiểm toán uy tín, bao gồm:

- 1 – Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;
- 2 – Công ty TNHH PWC (Việt Nam);
- 3 – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- 4 – Công ty TNHH Ernst & Young Việt nam;
- 5 – Công ty TNHH KPMG.

Thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Vingal.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Trần Tô Tử**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM  
CÔNG NGHIỆP VINGAL-VNSTEEL**

Số : /TTr-VGL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ  
của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản được sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản được sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

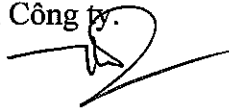
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu : VT, TK Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Võ Trí Nghĩa**

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản được sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản được sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

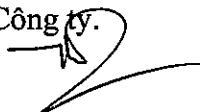
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị được đính kèm theo Tờ trình này.

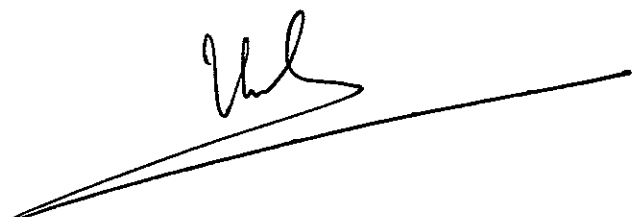
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu : VT, TK Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Võ Trí Nghĩa**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM  
CÔNG NGHIỆP VINGAL-VNSTEEL**

Số : /TTr-VGL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị  
của Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản được sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản được sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị của Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị được đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu : VT, TK Công ty.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Võ Trí Nghĩa**

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL**

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/6/2020.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021.
- Căn cứ vào nội dung Biên bản họp đại hội cổ đông thường niên năm 2026 ngày 03 tháng 4 năm 2026.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL – VNSTEEL  
QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị (đính kèm báo cáo).
2. Báo cáo kết quả giám sát thực hiện kế hoạch năm 2025 của Ban kiểm soát (đính kèm báo cáo).
3. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 (đính kèm Tờ trình).
4. Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 (đính kèm Tờ trình).
5. Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (đính kèm Tờ trình).
6. Tờ trình thông qua kế hoạch tài chính năm 2026 (đính kèm Tờ trình).
7. Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2026 (đính kèm Tờ trình).
8. Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 (đính kèm Tờ trình).
9. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 (đính kèm Tờ trình).

10. Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026 (*đính kèm Tờ trình*).
11. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (*đính kèm Tờ trình*).
12. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (*đính kèm Tờ trình*).
13. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*đính kèm Tờ trình*).
14. Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (*đính kèm Tờ trình*).

**Điều 2:** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, các Phòng, Ban liên quan và cổ đông Công ty có nghĩa vụ thi hành Nghị quyết này.

**Điều 3:** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel thông qua toàn văn tại Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp Vingal – Vnsteel. Số 4 đường 2A, KCN Biên Hòa II, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Các cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Võ Trí Nghĩa**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KẼM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL**

9<sup>h</sup>00 ngày 03/4/2026 tại Công ty CP Mạ kẽm công nghiệp Vingal-Vnsteel  
Địa chỉ: số 4, đường 2A, KCN Biên Hòa 2, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.

**MẪU**

**THẺ BIỂU QUYẾT**

**HỌ TÊN CỔ ĐÔNG : Lâm Thế A**

**MÃ SỐ CỔ ĐÔNG : VGL 058**

**SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU/ĐƯỢC ỦY QUYỀN : 200**

**SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT: 200**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẠ KÉM CÔNG NGHIỆP VINGAL - VNSTEEL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL (tên cũ: Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal), tên tiếng Anh: Vingal - VNSTEEL Industries Joint Stock Company. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo Nghị quyết số 44/NQ-VNS ngày 25/11/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Sản xuất Sản phẩm Mạ Vingal thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600239028 cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4, Đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Trí Nghĩa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/03/2025
Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/03/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên	
Ông Nguyễn Huy Thọ	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Tô Từ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Công Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là ông Nguyễn Huy Thọ - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

11  
CH  
ÔN  
NG  
A  
H.P  
3600  
CÓN  
CỔ P  
KÊM C  
INGAL  
HÒA

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Thọ

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

05-0C  
HÁNH  
TY TN  
KIỂM TI  
ASC  
HỒ C  
9028  
TY  
ÁN  
NGHIỆ  
STEEL  
ĐỒNG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

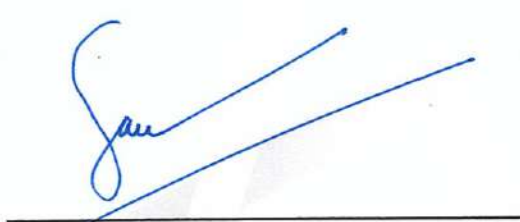
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



  
Trần Trung Hiếu  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2023-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2026

  
Phạm Văn Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3864-2025-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>142.474.706.085</b>	<b>133.930.398.749</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	29.668.626.157	34.666.626.223
111	1. Tiền		23.168.626.157	14.666.626.223
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.500.000.000	20.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.920.330.748	31.953.075.624
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	33.055.511.668	31.679.648.723
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	620.757.766	239.659.100
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	244.061.314	33.767.801
140	III. Hàng tồn kho	07	67.814.836.085	59.285.085.258
141	1. Hàng tồn kho		68.079.518.865	59.552.494.754
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(264.682.780)	(267.409.496)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.070.913.095	8.025.611.644
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	330.445.252	875.605.286
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.740.467.843	7.150.006.358
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>21.033.462.927</b>	<b>22.397.028.810</b>
220	I. Tài sản cố định		20.424.165.356	22.397.028.810
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	19.929.686.177	21.776.299.635
222	- Nguyên giá		145.712.848.001	142.355.118.122
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.783.161.824)	(120.578.818.487)
227	2. Tài sản cố định vô hình	09	494.479.179	620.729.175
228	- Nguyên giá		1.044.241.687	1.044.241.687
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(549.762.508)	(423.512.512)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		553.830.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	553.830.000	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		55.467.571	-
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.a	55.467.571	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>163.508.169.012</b>	<b>156.327.427.559</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>44.635.220.987</b>	<b>37.240.362.827</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>44.635.220.987</b>	<b>37.240.362.827</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	18.382.420.152	16.450.824.898
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	404.372.167	1.471.144.546
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	946.956.440	1.159.163.534
314	4. Phải trả người lao động		22.865.359.214	16.889.737.124
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	122.218.048	102.734.281
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	589.470.707	474.078.992
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.324.424.259	692.679.452
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>118.872.948.025</b>	<b>119.087.064.732</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>118.872.948.025</b>	<b>119.087.064.732</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		93.251.550.000	93.251.550.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		93.251.550.000	93.251.550.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.609.987.264	5.609.987.264
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.011.410.761	20.225.527.468
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.387.828.968	1.867.509.762
421b	LNST chưa phân phối năm nay		17.623.581.793	18.358.017.706
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>163.508.169.012</b>	<b>156.327.427.559</b>

Phạm Thị Phương Thảo  
Người lập

Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

6002  
TỔNG  
Ổ PH.  
V CÔNG  
AL-VNS  
A-T.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	413.918.492.898	357.653.909.492
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		413.918.492.898	357.653.909.492
11	4. Giá vốn hàng bán	20	346.582.661.291	297.620.472.559
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.335.831.607	60.033.436.933
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	856.046.484	927.369.327
22	7. Chi phí tài chính	22	40.707.917	170.010.508
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	13.998.771.069	11.636.413.303
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	29.279.257.127	25.403.637.617
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.873.141.978	23.750.744.832
31	11. Thu nhập khác	25	42.711.468	98.525.419
32	12. Chi phí khác	26	1.199.070.655	231.201.994
40	13. Lợi nhuận khác		(1.156.359.187)	(132.676.575)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.716.782.791	23.618.068.257
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	6.148.668.569	5.233.581.121
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28.b	(55.467.571)	26.469.430
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		17.623.581.793	18.358.017.706
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	1.579	1.656

  
Phạm Thị Phương Thảo  
Người lập

  
Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2026



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.716.782.791	23.618.068.257
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.330.593.333	5.363.806.620
03	- Các khoản dự phòng		(2.726.716)	(43.113.493)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		15.760.907	(17.918.266)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(375.604.310)	(385.378.347)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		28.684.806.005	28.535.464.771
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.572.779.236)	(15.033.285.627)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.527.024.111)	(4.549.516.429)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		7.021.627.498	7.394.905.267
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.669.966)	(416.855.781)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.420.539.714)	(5.479.861.877)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.285.705.693)	(2.779.593.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.891.714.783	7.671.256.437
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.357.729.879)	(2.461.772.725)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		379.997.461	397.222.182
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.977.732.418)	(2.064.550.543)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.906.891.000)	(13.966.614.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(14.906.891.000)	(13.966.614.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.992.908.635)	(8.359.908.106)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.666.626.223	43.026.678.680
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.091.431)	(144.351)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	29.668.626.157	34.666.626.223



Phạm Thị Phương Thảo  
Người lập



Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL (tên cũ: Công ty Cổ phần Sản xuất Sản phẩm Mạ Công nghiệp Vingal), tên tiếng Anh: Vingal - VNSTEEL Industries Joint Stock Company. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên theo Nghị quyết số 44/NQ-VNS ngày 25/11/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Sản xuất Sản phẩm Mạ Vingal thành Công ty Cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600239028 cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4, Đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 93.251.550.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2025 là 93.251.550.000 VND; tương đương 9.325.155 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 225 người (tại ngày 01/01/2025 là 219 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Mạ kẽm nhúng nóng, mạ kẽm công nghiệp;
- Sản xuất ống thép công nghiệp các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm này, do sản lượng tiêu thụ tăng mạnh làm tổng doanh thu tăng 56,26 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 15,73% so với năm trước. Tuy nhiên, giá vật tư, nguyên vật liệu trên thị trường tăng mạnh trong năm dẫn đến giá vốn năm nay tăng 48,96 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 16,45%. Tốc độ tăng của doanh thu thấp hơn giá vốn dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay chỉ tăng 7,3 tỷ VND, tương đương 12,16% so với năm trước.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.



Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 38	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08	năm
- Các tài sản khác	15	năm
- Phần mềm quản lý	10	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	03	năm

## 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 12 tháng.

## 2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

028  
Y  
N  
NGHIỆP  
TEEL  
ĐỒNG

## 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền điện... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## 2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.21 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.23 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	7.745.945	6.635.316
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.160.880.212	14.659.990.907
Các khoản tương đương tiền (*)	6.500.000.000	20.000.000.000
	<b>29.668.626.157</b>	<b>34.666.626.223</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 3,1%/năm.

### 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATAD Đồng Nai	6.799.939.548	-	657.588.265	-
Công ty TNHH Sơn Trương	5.055.099.690	-	4.814.245.612	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	3.617.351.830	-	2.030.029.025	-
Công ty Cổ phần Steel Builder	178.531.970	-	3.999.752.870	-
Các đối tượng khác	17.404.588.630	-	20.178.032.951	-
	<b>33.055.511.668</b>	<b>-</b>	<b>31.679.648.723</b>	<b>-</b>

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty TNHH MTV Môi trường Phúc An Khang	502.280.000	-	154.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vật liệu xây dựng Thành Hòa Phát	50.803.200	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	-	-	33.868.200	-
Các đối tượng khác	67.674.566	-	51.790.900	-
	<u>620.757.766</u>	<u>-</u>	<u>239.659.100</u>	<u>-</u>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	13.801.370	-	18.194.521	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	1.719.416	-	1.719.416	-
Tạm ứng	50.000.000	-	13.853.864	-
Các khoản chi hộ	178.540.528	-	-	-
	<u>244.061.314</u>	<u>-</u>	<u>33.767.801</u>	<u>-</u>
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b>Bên khác</b>				
Crowd Control Warehouse LLC	178.540.528	-	-	-
Ông Đinh Văn Tuyển	50.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	15.520.786	-	33.767.801	-
	<u>244.061.314</u>	<u>-</u>	<u>33.767.801</u>	<u>-</u>

**Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vinal - VNSTEEL**

Số 4, Đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	51.281.652.815	(253.587.603)	44.778.894.655	(256.292.463)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.346.887.690	-	5.286.611.262	-
Thành phẩm	11.193.014.307	(11.095.177)	9.486.988.837	(11.117.033)
Hàng gửi đi bán	257.964.053	-	-	-
	<b>68.079.518.865</b>	<b>(264.682.780)</b>	<b>59.552.494.754</b>	<b>(267.409.496)</b>

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	31/12/2025		01/01/2025 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên giá	40.979.988.675	87.452.810.566	12.778.817.704	752.301.177
Số dư đầu năm	-	3.067.000.000	197.856.000	-
- Mua trong năm	92.873.879	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	41.072.862.554	90.519.810.566	12.976.673.704	752.301.177
Số dư cuối năm	<b>134.952.864.108</b>	<b>181.439.611.132</b>	<b>113.772.647.408</b>	<b>1.504.602.354</b>
Giá trị hao mòn lũy kế	30.211.638.128	77.231.526.053	12.048.526.177	695.928.129
Số dư đầu năm	1.455.213.512	3.364.447.169	341.751.288	42.931.368
- Khấu hao trong năm	31.666.851.640	80.595.973.222	12.390.277.465	738.859.497
Số dư cuối năm	<b>33.117.665.172</b>	<b>161.171.446.413</b>	<b>354.773.031</b>	<b>826.720.894</b>
Giá trị còn lại	10.768.350.547	10.221.284.513	730.291.527	56.373.048
Tại ngày đầu năm	9.406.010.914	9.923.837.344	586.396.239	13.441.680
Tại ngày cuối năm	<b>11.362.339.633</b>	<b>10.297.447.169</b>	<b>144.905.288</b>	<b>42.931.368</b>
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.342.987.937 VND.				
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 337.741.305 VND.				
	<b>142.355.118.122</b>	<b>3.264.856.000</b>	<b>145.712.848.001</b>	<b>92.873.879</b>
	<b>142.355.118.122</b>	<b>3.264.856.000</b>	<b>145.712.848.001</b>	<b>92.873.879</b>

17  
CÔNG TY  
HÀNG  
CÔNG NGHIỆP  
STEEL  
ĐỒNG

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	981.241.687	63.000.000	1.044.241.687
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>981.241.687</b>	<b>63.000.000</b>	<b>1.044.241.687</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	360.512.512	63.000.000	423.512.512
- Khấu hao trong năm	126.249.996	-	126.249.996
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>486.762.508</b>	<b>63.000.000</b>	<b>549.762.508</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	620.729.175	-	620.729.175
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>494.479.179</b>	<b>-</b>	<b>494.479.179</b>
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 104.241.687 VND.			

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Cầu trục số 3 Phân xưởng Mạ	553.830.000	-
	<b>553.830.000</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	497.740.761
Chi phí bảo hiểm	330.445.252	322.854.896
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	55.009.629
	<b>330.445.252</b>	<b>875.605.286</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>421.364.528</b>	<b>421.364.528</b>	<b>111.258.489</b>	<b>111.258.489</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương	197.262.528	197.262.528	-	-
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	224.102.000	224.102.000	102.258.489	102.258.489
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	-	-	9.000.000	9.000.000
<b>Bên khác</b>	<b>17.961.055.624</b>	<b>17.961.055.624</b>	<b>16.339.566.409</b>	<b>16.339.566.409</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Tín	9.686.092.502	9.686.092.502	12.974.311.774	12.974.311.774
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Toàn Tâm	2.041.577.603	2.041.577.603	20.457.999	20.457.999
Công ty TNHH MTV K.D. Feddersen Việt Nam	1.804.000.000	1.804.000.000	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống L.P.G	1.026.948.126	1.026.948.126	1.023.649.003	1.023.649.003
Các đối tượng khác	3.402.437.393	3.402.437.393	2.321.147.633	2.321.147.633
	<b>18.382.420.152</b>	<b>18.382.420.152</b>	<b>16.450.824.898</b>	<b>16.450.824.898</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>Bên khác</b>		
Công ty TNHH Thiết bị điện Shihlin Việt Nam	285.540.068	860.384
Công ty TNHH Đầu tư Apuswin	53.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ tự động Hải Nam	-	628.417.430
Multi Online Distribution Inc.	-	622.028.161
Các đối tượng khác	65.832.099	219.838.571
	<b>404.372.167</b>	<b>1.471.144.546</b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu năm (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.080.846.249	6.148.668.569	6.420.539.714	808.975.104
Thuế Thu nhập cá nhân	78.317.285	2.021.853.213	1.962.189.162	137.981.336
Các loại thuế khác	-	4.740.741	4.740.741	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	884.513.153	884.513.153	-
	<b>1.159.163.534</b>	<b>9.059.775.676</b>	<b>9.271.982.770</b>	<b>946.956.440</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí tiền điện	108.430.248	88.946.481
Chi phí phải trả khác	13.787.800	13.787.800
	<b>122.218.048</b>	<b>102.734.281</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	253.065.252	239.288.539
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	146.329.100	132.972.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.076.355	101.818.353
	<b>589.470.707</b>	<b>474.078.992</b>

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	93.251.550.000	5.609.987.264	18.574.272.262	117.435.809.526
Lãi trong năm trước (Đã điều chỉnh)	-	-	18.358.017.706	18.358.017.706
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.719.030.000)	(2.719.030.000)
Chia cổ tức	-	-	(13.987.732.500)	(13.987.732.500)
Số dư cuối năm trước (Đã điều chỉnh)	93.251.550.000	5.609.987.264	20.225.527.468	119.087.064.732
Số dư đầu năm nay (Đã điều chỉnh)	93.251.550.000	5.609.987.264	20.225.527.468	119.087.064.732
Lãi trong năm nay	-	-	17.623.581.793	17.623.581.793
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.920.248.000)	(14.920.248.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(2.917.450.500)	(2.917.450.500)
Số dư cuối năm nay	93.251.550.000	5.609.987.264	20.011.410.761	118.872.948.025

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 số 06/NQĐHĐCĐ-VGL ngày 27/03/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023:	1.867.509.762
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	18.234.065.566
- Điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước	123.952.140
- Tổng lợi nhuận chưa phân phối:	20.225.527.468
- Trả cổ tức 16%:	14.920.248.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi:	2.917.450.500
- Lợi nhuận chưa phân phối còn lại:	2.387.828.968

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	51,00	47.561.300.000	51,00	47.561.300.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	21,45	20.000.000.000	21,45	20.000.000.000
Ông Vũ Đình Huy	12,65	11.800.000.000	12,65	11.800.000.000
Công ty Cổ phần CIC39	9,16	8.545.150.000	9,16	8.545.150.000
Các cổ đông khác	5,74	5.345.100.000	5,74	5.345.100.000
	100	93.251.550.000	100	93.251.550.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025		Năm 2024	
	VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm	93.251.550.000		93.251.550.000	
- Vốn góp cuối năm	93.251.550.000		93.251.550.000	
Cổ tức, lợi nhuận				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	132.972.100		111.853.600	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm				
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.920.248.000		13.987.732.500	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền				
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(14.906.891.000)		(13.966.614.000)	
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>146.329.100</u>		<u>132.972.100</u>	
d) Cổ phần	31/12/2025		01/01/2025	
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	9.325.155		9.325.155	
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng				
- Cổ phần phổ thông	9.325.155		9.325.155	
Số lượng cổ phần đang lưu hành				
- Cổ phần phổ thông	9.325.155		9.325.155	
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần				
e) Các quỹ công ty	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Quỹ đầu tư phát triển	5.609.987.264		5.609.987.264	
	<u>5.609.987.264</u>		<u>5.609.987.264</u>	
<b>18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG</b>				
a) Tài sản thuê ngoài				
Công ty ký hợp đồng thuê lại đất tại khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 1995 đến năm 2045. Diện tích khu đất thuê là 39.722 m <sup>2</sup> . Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.				
b) Tài sản nhận giữ hộ				
Chủng loại, quy cách	ĐVT	31/12/2025	01/01/2025	
Sản phẩm thép chưa gia công	Kg	1.191.671	1.235.405	
c) Ngoại tệ các loại				
		31/12/2025	01/01/2025	
Đồng Đô la Mỹ (USD)		82.319,95	201,96	
Đồng Đô la Úc (AUD)		143,52	175,42	

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Thăng Long	49.933.768	49.933.768
Công ty Cổ phần Quốc tế IEC	179.744.683	179.744.683
Công ty TNHH Lưới thép Hàn VRC Việt Nam	1.443.015	1.443.015
Công ty Phát triển Kinh doanh Cửu Long	7.075.508	7.075.508
Xí nghiệp Kết cấu Thép - Công ty Cổ phần Xây lắp Chương Dương	18.480.295	18.480.295
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đông Phương	19.622.152	19.622.152
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình 632	24.999.999	24.999.999
Doanh nghiệp tư nhân Đại Long	25.000.037	25.000.037
Công ty Cổ phần Xây dựng 44	43.831.949	43.831.949
Công ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng 45-1	316.211.586	316.211.586
Các đối tượng khác	226.694.369	226.694.369
	<b>913.037.361</b>	<b>913.037.361</b>

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	90.541.091.139	91.632.781.820
Doanh thu cung cấp dịch vụ	306.803.621.780	253.776.412.198
Doanh thu bán vật tư phế liệu	16.573.779.979	12.244.715.474
	<b>413.918.492.898</b>	<b>357.653.909.492</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	<b>1.009.131.070</b>	<b>623.574.400</b>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	76.325.348.882	78.973.210.523
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	253.849.483.427	206.618.545.735
Giá vốn vật tư phế liệu	16.410.555.698	12.071.829.794
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho/(Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng)	(2.726.716)	(43.113.493)
	<b>346.582.661.291</b>	<b>297.620.472.559</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	<b>3.835.237.543</b>	<b>3.682.974.096</b>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	375.604.310	385.378.347
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	480.442.174	524.072.714
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	17.918.266
	<b>856.046.484</b>	<b>927.369.327</b>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	24.947.010	170.010.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	15.760.907	-
	<b>40.707.917</b>	<b>170.010.508</b>

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.153.989	79.798.846
Chi phí nhân công	6.457.732.896	5.151.964.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.526.100	26.641.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.897.857.560	1.489.038.500
Chi phí khác bằng tiền	4.471.500.524	4.888.970.142
	<b>13.998.771.069</b>	<b>11.636.413.303</b>
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)	<b>2.120.986.757</b>	<b>514.491.761</b>

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.357.246.398	1.509.265.270
Chi phí nhân công	18.632.845.445	15.281.265.869
Chi phí khấu hao tài sản cố định	872.528.944	863.975.976
Thuế, phí, và lệ phí	118.602.375	115.510.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	857.272.829	1.602.275.422
Chi phí khác bằng tiền	7.440.761.136	6.031.344.106
	<b>29.279.257.127</b>	<b>25.403.637.617</b>

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Xử lý công nợ	42.711.468	98.522.340
Thu nhập khác	-	3.079
	<b>42.711.468</b>	<b>98.525.419</b>

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	884.513.153	17.728.920
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	313.708.365	213.461.416
Chi phí khác	849.137	11.658
	<b>1.199.070.655</b>	<b>231.201.994</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	23.716.782.791	23.618.068.257
Các khoản điều chỉnh tăng	1.571.559.375	2.642.606.482
- Chi phí không hợp lệ	1.294.221.518	2.642.606.482
- Lợi nhuận hàng gửi đi bán	277.337.857	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(132.347.150)
- Lợi nhuận hàng gửi đi bán đã tính thuế năm trước	-	(132.347.150)
Thu nhập chịu thuế TNDN	25.288.342.166	26.128.327.589
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.057.668.433</b>	<b>5.225.665.517</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.091.000.136	7.915.604
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.080.846.249	1.327.127.005
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.420.539.714)	(5.479.861.877)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>808.975.104</b>	<b>1.080.846.249</b>

**28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	55.467.571	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>55.467.571</b>	<b>-</b>
b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	26.469.430
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(55.467.571)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(55.467.571)</b>	<b>26.469.430</b>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.623.581.793	18.358.017.706
Các khoản điều chỉnh	(2.900.000.000)	(2.917.450.500)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(2.900.000.000)	(2.917.450.500)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.723.581.793	15.440.567.206
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.325.155	9.325.155
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.579</b>	<b>1.656</b>

Công ty tạm trừ phần trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 2.900.000.000 VND theo Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua theo Nghị quyết số 06/NQĐHĐCĐ-VGL ngày 27/03/2025. Khi có Nghị quyết chính thức của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về việc phân phối lợi nhuận năm 2025, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể bị thay đổi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

	Năm 2024	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	18.234.065.566	18.358.017.706
Các khoản điều chỉnh	-	(2.917.450.500)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(2.917.450.500)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.234.065.566	15.440.567.206
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.325.155	9.325.155
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.955</b>	<b>1.656</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	271.780.362.094	227.762.037.286
Chi phí nhân công	74.417.260.012	62.023.670.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.330.593.333	5.363.806.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.175.502.680	28.126.529.488
Chi phí khác bằng tiền	12.183.964.035	11.076.914.248
	<b>391.887.682.154</b>	<b>334.352.957.797</b>

### 31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.660.880.212	-	-	29.660.880.212
Phải thu khách hàng, phải thu	33.299.572.982	-	-	33.299.572.982
	<b>62.960.453.194</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>62.960.453.194</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.659.990.907	-	-	34.659.990.907
Phải thu khách hàng, phải thu	31.713.416.524	-	-	31.713.416.524
	<b>66.373.407.431</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>66.373.407.431</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	18.971.890.859	-	-	18.971.890.859
Chi phí phải trả	122.218.048	-	-	122.218.048
	<b>19.094.108.907</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.094.108.907</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	16.924.903.890	-	-	16.924.903.890
Chi phí phải trả	102.734.281	-	-	102.734.281
	<b>17.027.638.171</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.027.638.171</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Cung cấp dịch vụ gia công VND	Sản xuất và hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	306.803.621.780	107.114.871.118	413.918.492.898
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<b>52.954.138.353</b>	<b>14.381.693.254</b>	<b>67.335.831.607</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	<b>2.600.000.000</b>	<b>757.729.879</b>	<b>3.357.729.879</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	46.237.818.265	22.983.278.391	69.221.096.656
Tài sản không phân bổ			94.287.072.356
<b>Tổng tài sản</b>	<b>46.237.818.265</b>	<b>22.983.278.391</b>	<b>163.508.169.012</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	14.306.559.217	2.954.265.303	17.260.824.520
Nợ phải trả không phân bổ			27.374.396.467
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>14.306.559.217</b>	<b>2.954.265.303</b>	<b>44.635.220.987</b>

#### b) Theo khu vực địa lý

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	319.929.671.551	93.988.821.347	413.918.492.898
Tài sản bộ phận	157.836.312.544	5.671.856.468	163.508.169.012
Tổng chi phí mua TSCĐ			3.357.729.879

### 34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
<i>(Không còn là bên liên quan kể từ ngày 13/10/2025)</i>	
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vinausteel	Cùng Công ty mẹ
Công ty Tôn Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Ông thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế IBC	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần RedstarCera	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	Công ty liên kết của Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.009.131.070</b>	<b>623.574.400</b>
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	129.629.500	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	77.346.090	51.683.920
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	802.155.480	571.890.480
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>3.835.237.543</b>	<b>3.682.974.096</b>
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	3.080.145.725	2.825.080.644
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	8.181.818	56.945.452
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	746.910.000	800.948.000
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>2.120.986.757</b>	<b>514.491.761</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	2.120.986.757	514.491.761

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>		<b>4.276.069.329</b>	<b>3.142.410.251</b>
Ông Võ Trí Nghĩa	Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 27/03/2025)	492.140.000	-
Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024 Miễn nhiệm ngày 27/03/2025)	298.074.886	362.276.364
Ông Phạm Thanh Lâm	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 10/04/2024)	3.750.000	42.055.555
Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	60.444.444	63.555.555
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên HĐQT	61.444.444	63.555.555
Ông Nguyễn Huy Thọ	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	880.840.000	679.830.000
Ông Nguyễn Minh Tính	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/04/2023)	-	44.650.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	810.340.000	538.145.000
Ông Hoàng Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	769.290.000	638.880.000
Ông Lê Sơn Nam	Kế toán trưởng	756.190.000	557.240.000
Ông Trần Tô Từ	Trưởng ban kiểm soát	59.333.333	62.444.444
Ông Nguyễn Công Thủy	Thành viên BKS	42.111.111	44.888.889
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên BKS (Bỏ nhiệm ngày 10/04/2024)	42.111.111	29.222.222
Ông Triệu Anh Vũ	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 10/04/2024)	-	15.666.667

Ngoài giao dịch với các bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 căn cứ Thông báo Kết quả Kiểm toán số 480/TB-KTNN ngày 23/10/2025 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên BCTC năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tài sản ngắn hạn	100	133.335.793.853	133.930.398.749	594.604.896
Hàng tồn kho	140	58.690.480.362	59.285.085.258	594.604.896
Hàng tồn kho	141	58.957.889.858	59.552.494.754	594.604.896
Tổng cộng tài sản	270	155.732.822.663	156.327.427.559	594.604.896
Nợ phải trả	300	36.769.710.071	37.240.362.827	470.652.756
Nợ ngắn hạn	310	36.769.710.071	37.240.362.827	470.652.756
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.569.666.886	1.471.144.546	(98.522.340)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	589.988.438	1.159.163.534	569.175.096
Vốn chủ sở hữu	400	118.963.112.592	119.087.064.732	123.952.140
Vốn chủ sở hữu	411	118.963.112.592	119.087.064.732	123.952.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20.101.575.328	20.225.527.468	123.952.140
LNST chưa phân phối năm nay	421b	18.234.065.566	18.358.017.706	123.952.140
Tổng cộng nguồn vốn	440	155.732.822.663	156.327.427.559	594.604.896
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Giá vốn hàng bán	11	298.215.077.455	297.620.472.559	(594.604.896)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	59.438.832.037	60.033.436.933	594.604.896
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	23.156.139.936	23.750.744.832	594.604.896
Thu nhập khác	31	3.079	98.525.419	98.522.340
Lợi nhuận khác	40	(231.198.915)	(132.676.575)	98.522.340
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22.924.941.021	23.618.068.257	693.127.236
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.664.406.025	5.233.581.121	569.175.096
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	18.234.065.566	18.358.017.706	123.952.140
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.955	1.656	(299)

	Mã số	Số liệu trên BCTC năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	22.924.941.021	23.618.068.257	693.127.236
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.842.337.535	28.535.464.771	693.127.236
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.954.911.533)	(4.549.516.429)	(594.604.896)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.493.427.607	7.394.905.267	(98.522.340)

Phạm Thị Phương Thảo  
Người lập

Lê Sơn Nam  
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Thọ  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 24 tháng 02 năm 2026

